



Báo cáo

HỆ THỐNG GIÁM SÁT VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI



Mục lục

Mục lục.....	2
Danh mục bảng	3
Danh mục hình.....	3
1. Giới thiệu.....	4
2. Mục đích của hệ thống giám sát việc thực thi pháp luật bình đẳng giới.....	5
3. Tổng quan về giám sát chính sách	6
3.1 Giám sát và phản hồi chính sách	6
3.2 Giám sát và phản hồi chính sách về bình đẳng giới.....	7
3.3 Vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát và phản hồi chính sách về bình đẳng giới	8
4. Hệ thống giám sát chính sách về bình đẳng giới	11
4.1 Phương pháp xác định chỉ số giám sát	11
4.2 Phương pháp thu thập, phân tích, xử lý và lưu trữ thông tin.....	14
4.3 Kỹ năng viết báo cáo và đề nghị chính sách.....	15
5. Quy trình giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách	17
6. Các nội dung cần có trong tài liệu TOT phát triển cho hệ thống giám sát và phản hồi chính sách bình đẳng giới.....	19
Phụ lục.....	21
Phụ lục 1: Các thuật ngữ sử dụng.....	21
Phụ lục 2: Các căn cứ pháp lý để Hội LHPN Việt Nam thực hiện công tác giám sát việc thực thi và phản hồi chính sách.....	24
Phụ lục 3: Tóm tắt các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để Hội LHPN Việt Nam thực hiện hệ thống giám sát việc thực thi và phản hồi các chính sách, pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới.	30

Danh mục bảng

Bảng 1: Khung phân tích chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới.....	7
Bảng 2: Ví dụ về cách đặt câu hỏi để xác định hệ thống chỉ số cho việc giám sát.....	12
Bảng 3: Định kì thu thập và xử lý thông tin	18

Danh mục hình

Hình 1: Các công đoạn cần giám sát.....	6
Hình 2: Sơ đồ miêu tả vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát chính sách bình đẳng giới	9
Hình 3: Quy trình giám sát và phản hồi chính sách.....	17

1. Giới thiệu

Tài liệu này mô tả hệ thống giám sát và phản hồi việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan tới bình đẳng giới đề xuất cho Hội Liên hiệp Phụ nữ (Hội LHPN) Việt Nam. Hệ thống được đề xuất này được xây dựng dựa trên kết quả phân tích các điểm mạnh, hạn chế và cơ hội để Hội LHPN Việt Nam thực hiện được mục đích của mình là “Hoạt động vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ”. Bên cạnh đó, hệ thống này cũng dựa trên những cơ sở pháp lý mà Hội có được cũng như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Hội LHPN Việt Nam. Hệ thống này cũng cố gắng đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như đơn giản, dễ thực hiện, dựa trên hệ thống hiện tại và đảm bảo thu thập được các thông tin có chất lượng cao.

Tài liệu bắt đầu bằng mục đích của hệ thống giám sát và phản hồi chính sách. Các mục đích này là kim chỉ nam cho việc xây dựng các hợp phần của hệ thống. Tiếp theo là phần giới thiệu sơ lược về khung giám sát việc thực thi và phản hồi chính sách. Dựa trên khung này, khung giám sát việc thực thi và phản hồi các chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới được phát triển.

Vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát việc thực thi các chính sách bình đẳng giới liên quan tới bình đẳng giới được coi là trung tâm vì vị thế đặc biệt của Hội trong hệ thống chính trị và xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, hệ thống giám sát được đề xuất này là một hệ thống mở nhằm đảm bảo luồng thông tin đi vào và đi ra khỏi hệ thống mang tính đa chiều và khách quan. Điều này có nghĩa hệ thống của hội cũng sẽ tham khảo và trao đổi thông tin với các tổ chức và mạng lưới khác về việc thực thi chính sách bình đẳng giới. Đây chính là điều kiện cần và đủ để củng cố vai trò trung tâm của Hội LHPN Việt Nam trong việc giám sát việc thực thi các chính sách có liên quan tới bình đẳng giới ở Việt Nam.

Phần tiếp theo miêu tả chi tiết hệ thống giám sát và phản hồi chính sách bình đẳng giới. Phần này bắt đầu bằng việc giới thiệu về phương pháp xây dựng các chỉ số giám sát chính sách, các phương tiện và cách thức thu thập thông tin, phân tích, xử lý và lưu trữ thông tin. Cuối cùng, toàn bộ quy trình và hệ thống giám sát và phản hồi chính sách sẽ được tổng hợp nhằm cung cấp một bức tranh toàn diện cho Hội LHPN Việt Nam. Phần phụ lục cung cấp một số thuật ngữ được dùng trong báo cáo này nhằm tránh những khác biệt gây hiểu lầm không đáng có.

2. Mục đích của hệ thống giám sát việc thực thi pháp luật bình đẳng giới

Mục đích lớn nhất của hệ thống giám sát nhằm góp phần giúp Hội LHPN Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện luật pháp và chính sách về bình đẳng giới. Cụ thể, hệ thống sẽ:

- Cung cấp các thông tin cần thiết một cách chính xác và kịp thời giúp lãnh đạo Hội LHPN Việt Nam phản hồi đến Đảng và Nhà nước cũng như các cơ quan Chính phủ về nội dung chính sách, phương pháp triển khai chính sách cũng như ảnh hưởng của chính sách đến phụ nữ và công bằng giới;
- Giúp Hội LHPN Việt Nam thấu hiểu tâm tư nguyện vọng cũng như các khó khăn của hội viên để phản hồi cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ nhằm đáp ứng tốt hơn quyền lợi của phụ nữ;
- Giúp Hội LHPN Việt Nam các cấp nhìn nhận rõ hơn về các vấn đề mà phụ nữ đang gặp phải, làm căn cứ cho việc xây dựng các chương trình của Hội LHPN Việt Nam dựa trên các bằng chứng;
- Tạo nguồn thông tin để Hội LHPN Việt Nam cung cấp cho cơ quan truyền thông góp phần vào việc nâng cao nhận thức giới trong các tầng lớp xã hội và thúc đẩy bình đẳng giới.

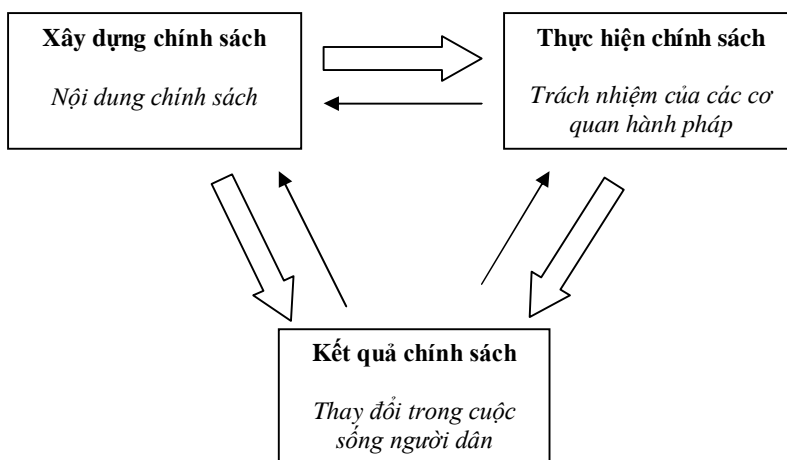
Nếu đạt được các mục đích nêu trên, hệ thống giám sát luật pháp và phản biện xã hội sẽ giúp Hội LHPN Việt Nam hoàn thành sứ mệnh bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Từ đó giúp củng cố và tăng cường uy tín của Hội LHPN trong xã hội cũng như với các thành viên của Hội.

3. Tổng quan về giám sát chính sách

3.1 Giám sát và phản hồi chính sách

Giám sát và phản hồi chính sách là một quá trình theo dõi việc *xây dựng nội dung* chính sách, *triển khai chính sách* và ảnh hưởng của chính sách đến đối tượng đích. Quá trình này được minh họa trong hình vẽ dưới đây.

Hình 1: Các công đoạn cần giám sát



Xây dựng (nội dung) chính sách (policy formulation): đây là giai đoạn các cơ quan ra chính sách tiến hành các bước phân tích vấn đề cần giải quyết trong xã hội. Giai đoạn này đòi hỏi thu thập và phân tích một lượng lớn các thông tin nhằm hiểu đúng mức độ và phạm vi ảnh hưởng của vấn đề. Từ đó, xác định nguyên nhân và giải pháp chính sách cho vấn đề. Trong giai đoạn này, cơ quan xây dựng chính sách thường tham vấn các cơ quan và cá nhân để đảm bảo việc phân tích khách quan và toàn diện. Tuy nhiên, trong quá trình này các bên liên quan cũng gây ảnh hưởng đến người ra chính sách nhằm hướng chính sách có lợi cho mình hoặc khách hàng của mình. Một chính sách ra đời thường là kết quả của một quá trình gây ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu bên nào có nhiều thông tin hơn, bằng chứng xác thực hơn và vị thế chính trị và xã hội lớn hơn sẽ gây ảnh hưởng lên chính sách nhiều hơn. Chính vì vậy, Hội cần có hệ thống thu thập và xử lý thông tin để có thể chủ động gây ảnh hưởng lên chính sách có lợi cho phụ nữ và công bằng giới.

Thực thi chính sách (policy execution): Khi chính sách được thông qua, các cơ quan hành pháp các cấp từ trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã) sẽ vào cuộc để triển khai chính sách. Ở Việt Nam, bên cạnh hệ thống chính quyền các cơ quan đoàn thể cũng được huy động tham gia vào việc tuyên truyền và phổ biến chính sách mới. Trong quá trình này, do năng lực, cách nhìn nhận hoặc trách nhiệm mà việc triển khai chính sách có thể khác nhau dẫn đến những kết quả khác nhau. Chính vì vậy, giám sát việc thực thi các chính sách ở các cấp rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến kết quả chính sách.

Kết quả chính sách (policy results): Kết quả chính sách là nội dung quan trọng trong giám sát chính sách. Một chính sách thành công hay thất bại được thể hiện ở kết quả - những thay đổi trong cuộc sống người dân, gia đình và cộng đồng xã hội do chính sách mang lại. Kết quả của chính sách phụ thuộc rất nhiều vào nội dung chính sách và việc triển khai chính sách. Bên cạnh đó, nó cũng phụ thuộc vào những yếu tố kinh tế xã hội mà trong quá trình xây dựng chính sách chưa tính tới hoặc đã thay đổi so với khi hình thành chính sách. Việc giám sát ảnh hưởng hoặc kết quả của chính sách sẽ giúp nhìn rõ hơn tính phù hợp, hiệu quả và đúng đích của chính sách. Từ đó đưa ra các kiến nghị thay đổi chính sách hoặc tăng cường chính sách nhằm đạt được mục đích tốt hơn.

Mỗi loại chính sách do các cơ quan khác nhau chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai. Chính vì vậy cần xác định rõ đối tượng cần tác động để có thể thu thập và cung cấp các thông tin cần thiết cũng như có phương thức gây ảnh hưởng phù hợp nhất. Thông thường cả ba công đoạn đều cần giám sát vì chúng có liên hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, tùy điều kiện cụ thể cơ quan giám sát có thể tập trung vào một hoặc hai công đoạn quan trọng.

3.2 Giám sát và phản hồi chính sách về bình đẳng giới

Việc giám sát các chính sách từ góc nhìn bình đẳng giới giống như việc giám sát chính sách nói chung, tức là nó sẽ phải trả lời 3 câu hỏi lớn sau:

- Giám sát việc xây dựng chính sách: *Chính sách có đặt vấn đề bình đẳng giới chưa?*
- Giám sát việc thực hiện chính sách: *Năng lực của các cơ quan hành pháp, thái độ và hành vi của cán bộ về bình đẳng giới như thế nào?. Các phương pháp triển khai có tính đến yếu tố giới chưa và nó ảnh hưởng thế nào đến kết quả?...*
- Giám sát kết quả của chính sách: *tập trung vào những thay đổi do chính sách tạo ra, đặc biệt với phụ nữ và quan hệ giới. Tùy vào từng chính sách, các chỉ số cụ thể sẽ được phát triển.*

Dựa trên khung giám sát và phản hồi chính sách trên và dựa trên những quy định của Luật bình đẳng giới, khung phân tích chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới được tóm tắt như sau.

Bảng 1: Khung phân tích chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới

Giai đoạn	Nội dung chính	Đối tượng giám sát
Xây dựng chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản pháp luật có xác định vấn đề giới liên quan và biện pháp giải quyết chưa? - Các văn bản pháp luật đã dự báo các ảnh hưởng của chính sách đến phụ nữ và nam giới chưa? - Các văn bản pháp luật có quy định rõ việc giám sát và phản hồi về các ảnh hưởng đến phụ nữ, nam giới và quan hệ giới chưa? - Các văn bản có xác định trách nhiệm rõ ràng và nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề giới chưa? - Các văn bản đã được thẩm định về giới trước khi ban hành hay chưa? 	Chính phủ, các bộ ngành và UBND các cấp
Triển khai	<ul style="list-style-type: none"> - Chính phủ, bộ và UBND các cấp đã xây dựng và rà 	Chính phủ, các bộ

chính sách	soát chiến lược, chương trình và các văn bản pháp luật về bình đẳng giới chưa? - Trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở các cấp tốt chưa? - Việc xây dựng kế hoạch và triển khai các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới ở các cấp và bộ ngành tốt chưa? - Việc giám sát và giải quyết các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới ở các cấp được thực thi như thế nào?	ngành và UBND các cấp
Kết quả chính sách	- Chính sách đã tác động như thế nào đến phụ nữ và nam giới? - Chính sách đã đóng góp như thế nào đến các mục tiêu bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, việc làm, xã hội và gia đình?	Nữ, nam và cộng đồng

Như đã trình bày ở trên tùy từng văn bản pháp luật mà phát triển các chỉ số cụ thể để phân biện và giám sát. Ví dụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đang xây dựng *Đề án hệ thống an sinh xã hội với dân cư nông thôn, dân cư vùng nông thôn khó khăn, vùng dân tộc, miền núi*. Trong bản dự thảo của đề án này, mục tiêu hai nhằm hỗ trợ việc làm và thu nhập thoả đáng. Tuy nhiên, tất cả các chỉ số đưa ra như “Đến 2015 45% lao động nông thôn, 35% lao động vùng nông thôn khó khăn và 22% lao động vùng dân tộc miền núi được đào tạo nghề.” Nhìn vào chỉ số này, rõ ràng vấn đề bình đẳng giới chưa được đề cập. Như vậy đề án chưa tuân thủ điều 13 trong Luật bình đẳng giới và Mục tiêu 1 trong quyết định số 19/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010.

Vì đề án này đang trong giai đoạn phát triển nên Hội LHPN Việt Nam hoàn toàn có thể dựa vào các câu hỏi trong phần Xây dựng chính sách ở bảng 1 để phân biện đề án của Bộ LĐTBXH. Khi hệ thống giám sát và phân biện chính sách của Hội hoạt động, Hội LHPN hoàn toàn có thể thu thập các thông tin từ thực tế để phân tích vấn đề giúp Bộ LĐTBXH xây dựng đề án phù hợp hơn cho đối tượng phụ nữ. Ví dụ, để phụ nữ tham gia tốt hơn vào thị trường nào động họ cần có những hỗ trợ gì? Để phụ nữ tham gia đào tạo nghề, đề án cần thiết kế như thế nào? Đây chính là cách phân biện hữu hiệu có chứng cứ khoa học, đưa ra giải pháp cụ thể và thực tế giúp phụ nữ được hưởng lợi từ đề án.

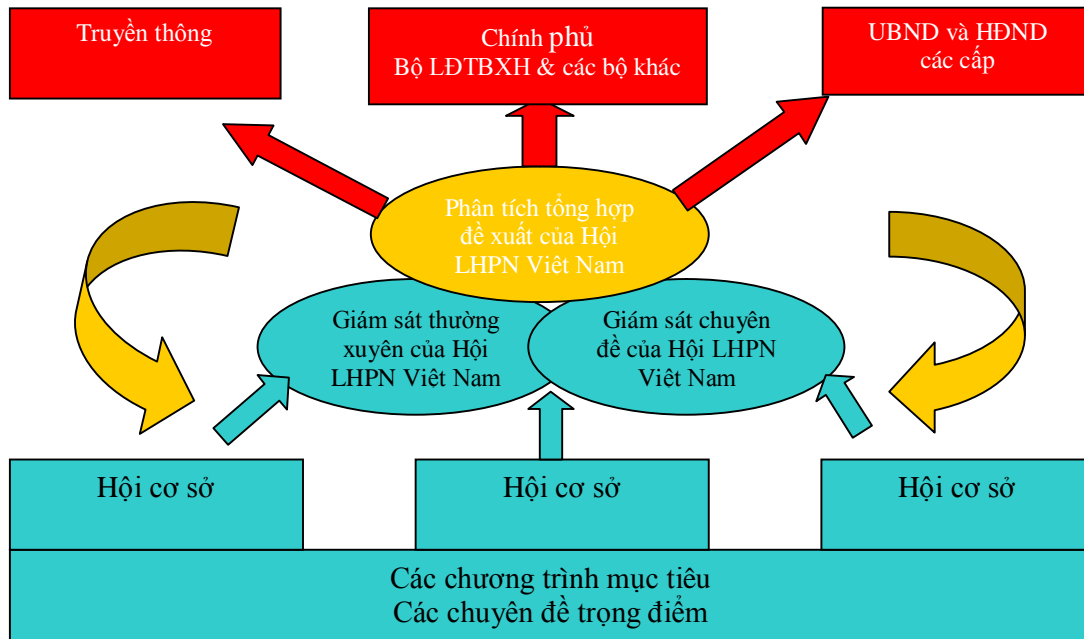
3.3 Vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát và phản hồi chính sách về bình đẳng giới

Hội LHPN Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát việc thực thi và phản hồi các chính sách và các văn bản pháp luật liên quan tới bình đẳng giới. Điều này đã được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp luật (Luật bình đẳng giới và Luật mặt trận tổ quốc – chi tiết xem phần phụ lục 2). Là một tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho quyền lợi của phụ nữ và có bộ máy tổ chức sâu rộng trên toàn quốc, Hội LHPN Việt Nam có thể hoàn thành sứ mệnh bảo vệ quyền lợi phụ nữ của mình.

Giám sát việc thực thi các chính sách, pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới của Hội LHPN Việt Nam nên lồng ghép vào sáu chương trình mục tiêu cũng như các chuyên đề trọng điểm của Hội. Công tác tổ chức thực hiện và nhân sự cho việc giám sát và phản hồi chính

sách nên dựa vào hệ thống Hội hiện có. Như vậy việc giám sát mới không tạo thêm gánh nặng công việc cho cán bộ và hội viên Hội LHPN cũng như cho lãnh đạo Hội LHPN Việt Nam. Vai trò giám sát của Hội LHPN Việt Nam đối với các chính sách từ khía cạnh bình đẳng giới được miêu tả trong hình 2 dưới đây.

Hình 2: Sơ đồ miêu tả vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát chính sách bình đẳng giới



Việc giám sát chính sách có thể bắt đầu từ dưới lên. HNP cơ sở là những đầu mối thu thập thông tin và số liệu theo các chỉ số giám sát thường xuyên. Bên cạnh đó, các điều tra mang tính chuyên đề cũng được thực hiện để bổ sung cho các số liệu báo cáo thường xuyên này. Điều quan trọng là các số liệu báo cáo cần được tổng hợp và phân tích nhằm đưa ra những khuyến nghị có căn cứ khoa học, thuyết phục và gây ảnh hưởng đối với các cơ quan hoạch định chính sách. Để làm được điều này, HỘI LHPN cần có một đội ngũ nhân viên mạnh về nghiên cứu và phân tích cũng như vận động chính sách.

Sau khi tổng hợp và phân tích số liệu, HỘI LHPN rút ra được các kết luận và kiến nghị chất lượng để cung cấp trực tiếp cho chính phủ và các cơ quan hành pháp các cấp. Điều này giúp các cơ quan chính phủ hiểu rõ hơn về ảnh hưởng của chính sách đối với phụ nữ và bình đẳng giới để có những thay đổi cần thiết. Bên cạnh đó, các kết quả này có thể được chia sẻ với các cơ quan truyền thông nhằm mục đích nâng cao nhận thức xã hội về bình đẳng giới cũng như tạo thêm áp lực để các cơ quan chính phủ làm tốt hơn chức năng nhiệm vụ của mình. Các kết quả giám sát cũng có thể được sử dụng viết báo cáo bóng cho CEDAW hoặc chia sẻ với hội viên để tăng thêm tin tưởng của họ vào vai trò lãnh đạo và đại diện của HỘI LHPN.

Hệ thống này ngoài việc cung cấp thông tin để giám sát và phản hồi chính sách, nó cũng có thể được sử dụng để lắng nghe ý kiến của phụ nữ về các vấn đề quan trọng với họ. Các ý kiến

này sẽ giúp cho HỘI LHPN hiểu hơn về hội viên của mình cũng như có nhiều bằng chứng hơn cho việc phản biện xã hội liên quan đến quyền lợi phụ nữ. Điều quan trọng là hệ thống thu thập thông tin phải tạo điều kiện để phụ nữ có thể chia sẻ và HỘI LHPN có thể tổng hợp. Điều này sẽ được bàn cụ thể trong phần tiếp sau.

4. Hệ thống giám sát chính sách về bình đẳng giới

Một hệ thống giám sát nhìn chung thường bắt đầu từ bộ chỉ số được xây dựng nhằm phục vụ cho mục đích giám sát. Trong trường hợp này là mục đích bình đẳng giới. Khi có bộ chỉ số hoàn thiện, HPN cần thu thập thông tin cơ sở để làm tiền đề cho việc giám sát và đánh giá chính sách sau này. Phần báo cáo này trình bày các phương pháp xác định hệ thống chỉ số, cách thức thu thập, phân tích, xử lý và lưu trữ số liệu. Bên cạnh đó, kỹ năng viết báo cáo và trình bày thông điệp cũng sẽ được tóm tắt nhằm giúp HPN hoàn thiện sản phẩm giám sát chính sách của mình.

4.1 Phương pháp xác định chỉ số giám sát

Khái niệm chỉ số: Chỉ số được dùng như một công cụ để đo lường thành quả một cách rõ ràng, giúp đánh giá các kết quả thực hiện, hoặc để phản ánh những thay đổi. Ví dụ: GDP là một trong các chỉ số của sự tăng trưởng kinh tế, HDI là chỉ số về sự phát triển con người. Tỷ lệ đến trường của học sinh nữ và nam là chỉ số quan trọng để theo dõi các tiến bộ trong việc thực hiện quyền trẻ em gái và trai trong giáo dục mà yếu tố giới được quan tâm đặc biệt.

Trong giám sát việc thực hiện luật bình đẳng giới, chỉ số chính là những dấu hiệu mà cán bộ giám sát của HPN cần tìm để đưa ra làm bằng chứng cho những nhận định về kết quả thực hiện luật và chính sách. Ví dụ nếu trong báo cáo giám sát có nhận định là bình đẳng giới đã được thực hiện tốt tại cơ quan hoặc địa phương nào đó thì cần có bằng chứng để chứng minh kết luận đó. Ví dụ như số lượng văn bản đã được đưa ra trong đó có nội dung quy định về việc thực hiện bình đẳng giới. Nhận thức, thái độ và hành vi của cán bộ về bình đẳng giới, hoặc các kết quả cụ thể lên nhân viên hoặc người dân phân tách theo giới. Các bằng chứng này chính là các chỉ số. Thông thường người ta cần một vài chỉ số để có thể giám sát một kết quả. Các chỉ số có thể mang tính định lượng và/hoặc định tính.

Các loại chỉ số: Trong giám sát đánh giá người ta sử dụng những loại chỉ số sau:

- ❖ Chỉ số tiến trình: là những dấu hiệu báo hiệu một hoạt động nào đó đang hướng tới đạt được mục tiêu. Với hệ thống giám sát luật và chính sách của HPN thì chỉ số tiến trình là dấu hiệu báo hiệu luật bình đẳng giới đang được triển khai và/hoặc thực hiện tốt. Ví dụ chỉ số tiến trình số lượng văn bản luật có mục về “Bình đẳng giới”. Hoặc số lượng văn bản có quy định cụ thể về tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia vào một hoạt động nào đó.

Chỉ số tiến trình chỉ báo hiệu là có thể đạt mục tiêu nhưng **không khẳng định** là mục tiêu đã đạt được.

- ❖ Chỉ số kết quả: là bằng chứng về các kết quả đạt được. Với việc giám sát luật bình đẳng giới thì chỉ số kết quả là những sự bình đẳng cụ thể đã được tạo ra nhờ có việc thực hiện luật. Ví dụ chỉ số kết quả của luật bình đẳng là: số lượng phụ nữ tham gia trong các vị trí quản lý của địa phương/cơ quan. Số lượng các đơn vị có phụ nữ thường xuyên tham gia các cuộc họp chiến lược của cơ quan, hoặc tỷ lệ phụ nữ được hưởng các dịch vụ chăm sóc y tế, v.v
- ❖ Chỉ số tác động: là bằng chứng về các kết quả thay đổi (“tác dụng”) tăng thêm. Với việc giám sát luật bình đẳng giới thì chỉ số tác động chính là những kết quả thay đổi “hơn cả mong đợi” mà sự bình đẳng giới đã mang lại. “Số gia đình chia sẻ là họ hạnh

phức hơn vì các quyết định được san sẻ giữa hai vợ chồng” là một ví dụ chỉ số tác động; “Ti lệ phụ nữ tăng thêm được tiếp cận dịch vụ tài chính”; hoặc “ti lệ phụ nữ tăng thêm trong tiếp cận các cơ hội công ăn việc làm” nhờ việc thực thi các văn bản pháp luật và chính sách có tính đến công bằng giới.

Cách xác định chỉ số: Để xác định chỉ số, người đi giám sát có thể đặt một trong những câu hỏi sau:

- Dấu hiệu nào cho thấy việc đã được thực hiện? hoặc
- Bằng chứng nào chứng minh rằng việc đã được thực hiện?

Bảng 2: Ví dụ về cách đặt câu hỏi để xác định hệ thống chỉ số cho việc giám sát

Nội dung chính cần giám sát	Câu hỏi xác định chỉ số	Ví dụ về chỉ số
Xây dựng chính sách		
- Các văn bản pháp luật có xác định vấn đề giới liên quan và biện pháp giải quyết chưa?	Dấu hiệu nào chứng tỏ các văn bản luật có quan tâm đến vấn đề giới?	Trong văn bản luật có nội dung về lồng ghép giới và biện pháp thực hiện bình đẳng giới
- Các văn bản pháp luật đã dự báo các ảnh hưởng của văn bản đến nữ và nam chưa?	Dấu hiệu nào chứng tỏ các văn bản luật đã dự báo về các ảnh hưởng của văn bản tới mỗi giới?	Trong văn bản có quy định về phân tích ảnh hưởng cụ thể của luật đến mỗi giới.
- Các văn bản pháp luật có quy định rõ việc giám sát và phân hồi về các ảnh hưởng đến nữ, nam và quan hệ giới chưa?	Bằng chứng nào chứng minh rằng các văn bản luật có quy định rõ việc giám sát và phân hồi về các ảnh hưởng đến nam nữ và quan hệ giới	Trong văn bản luật có mục hướng dẫn từng đơn vị chức năng cách thức giám sát và phân tích ảnh hưởng tới nam và nữ
- Các văn bản có xác định trách nhiệm rõ ràng và nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề giới chưa?	Bằng chứng nào chứng minh rằng các văn bản có xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực cần thiết để giải quyết vấn đề giới	Mỗi bên liên quan đều có thể tìm thấy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giải quyết vấn đề giới Trong văn bản luật có con số cụ thể về ngân sách và nguồn ngân sách cho hoạt động liên quan đến vấn đề giới.
- Các văn bản đã được thẩm định trước khi ban hành hay chưa?	Bằng chứng nào chứng minh các văn bản đã được thẩm định trước khi ban hành?	Báo cáo mô tả quá trình thẩm định Các ý kiến phản hồi từ các cấp đóng góp cho nội dung

		văn bản
<p>Triển khai chính sách</p> <p>- Trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở các cấp tốt chưa?</p> <p>- Việc xây dựng kế hoạch và triển khai các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới ở các cấp và bộ ngành tốt chưa?</p> <p>- Việc giám sát và giải quyết các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới ở các cấp được thực thi như thế nào?</p>	<p>Bằng chứng nào chứng minh rằng công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BDG đã được thực hiện tốt?</p> <p>Dấu hiệu nào chứng tỏ các bộ ngành có kế hoạch và triển khai tốt việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về BDG?</p> <p>Bằng chứng nào chứng minh rằng việc giám sát và giải quyết các vấn đề liên quan đến BDG được thực thi tốt?</p>	<p>Có văn bản hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra</p> <p>Các khó khăn trong quá trình thực hiện BDG được phát hiện trong vòng 1 tháng sau khi triển khai và có biện pháp xử lý cụ thể</p> <p>Các mục tiêu đạt được</p> <p>Các khó khăn được phát hiện trong vòng tháng</p> <p>Các vấn đề không bị lặp lại.</p> <p>Các bên liên quan hài lòng với các biện pháp giải quyết vấn đề</p>
<p>Kết quả chính sách</p> <p>- Chính sách đã tác động như thế nào đến phụ nữ và nam giới?</p> <p>- Chính sách đã đóng góp như thế nào đến các mục tiêu bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, việc làm, xã hội và gia đình?</p>	<p>Dấu hiệu nào chứng tỏ chính sách có tác động tốt đến cả hai giới?</p> <p>Bằng chứng nào chứng minh rằng chính sách đã đóng góp tốt vào việc đạt mục tiêu BDG trong từng lĩnh vực?</p>	<p><i>Tùy nội dung chính sách định tác động đến điều gì để có dấu hiệu cụ thể.</i></p>

Cách viết chỉ số:

Sau khi đã xác định được chỉ số cần giám sát thì cần viết các chỉ số này dưới dạng “SMART” để tăng tính thuyết phục¹. Ví dụ “90% các văn bản luật ban hành trong năm 2009 có nội dung mô tả cụ thể về lồng ghép giới và biện pháp thực hiện bình đẳng giới”.

Cần lưu ý là để giám sát một kết quả, người ta cần một vài chỉ số chứ không phải chỉ một chỉ số duy nhất. Bên cạnh đó, việc phát triển một chỉ số cần dựa vào hiện trạng và các thay đổi mong đợi để đảm bảo chỉ số SMART. Để đạt được điều này, HPN cần có hiện trạng tình hình để từ đó phát triển các chỉ số, đặc biệt là các chỉ số kết quả và chỉ số ảnh hưởng.

¹ SMART = cụ thể, đo lường được, kiểm tra được, thực tế và có giới hạn thời gian

4.2 Phương pháp thu thập, phân tích, xử lý và lưu trữ thông tin

Khái niệm thông tin và dữ liệu Khi đi thu thập thông tin, cần phân biệt hai khái niệm: dữ liệu và thông tin. Dữ liệu là các con số, các sự kiện đã xảy ra. Ví dụ: 350 người đã được đào tạo nghề; 12 nghề truyền thống được đưa vào trong chiến lược phát triển. Thông tin là các dữ liệu có ý nghĩa với người sử dụng. Ví dụ: 350 người được chọn để đào tạo nghề trong đó 250 là nữ. Khi đi giám sát, cán bộ HPN có thể thu thập các dữ liệu nhưng sau đó cần xử lý để biến dữ liệu thành thông tin cung cấp có ý nghĩa nào đó cho người sử dụng thông tin vì nếu chỉ đọc con số 350 người được đào tạo nghề thì người đọc chưa hiểu được đó là nhiều hay là ít nhưng nếu đọc được rằng trong 350 người được đào tạo nghề có 250 người là nữ, chiếm 70% thì người đọc hiểu rằng nữ được ưu tiên hơn trong khi lựa chọn.

Các cách thu thông tin: Có hai yếu tố liên quan đến thu thập thông tin đó là nguồn thông tin và cách thu thập.

Chỉ số chính là cơ sở để xác định nguồn thông tin. Sau khi xác định xong chỉ số thì cán bộ HPN cần đặt câu hỏi là “nên gặp ai/cơ quan nào để tìm được chỉ số này?”. Nguồn thông tin được chia làm hai loại: thông tin thứ cấp (các văn bản, tài liệu, báo cáo v.v) và nguồn thông tin sơ cấp (phỏng vấn và điều tra trực tiếp)

Có nhiều cách để thu thập thông tin sơ cấp. Một trong những cách phổ biến là phỏng vấn bán cấu trúc và phát phiếu điều tra. Ngoài ra, phỏng vấn nhóm và quan sát cũng là cách hữu hiệu để thu thập thông tin thứ cấp.

Điều quan trọng là việc thu thập thông tin và dữ liệu phải có mục đích sử dụng rõ ràng ngay từ đầu, ví dụ để làm bằng chứng cho việc đạt hay không đạt một chỉ số nào đó. Từ đó mới thu thập để tránh việc thiếu hoặc thừa thông tin tránh lãng phí. Một điều cần lưu ý là việc thu thập thông tin cần phải đảm bảo tính khách quan và có kiểm tra chéo để loại những thông tin không chính xác hoặc gây nhiễu.

Phân tích thông tin: Phân tích thông tin chính là quá trình biến các dữ liệu thu thập được trở nên có ý nghĩa với người sử dụng. Khi đặt các dữ liệu thu được lên bàn phân tích, cán bộ HPN cần đặt câu hỏi: các dữ liệu này khi đặt cạnh nhau nói lên điều gì? Nguyên nhân vì sao lại có hiện trạng đó? Hậu quả/kết quả của hiện trạng đó là gì? Từ những kết quả này sẽ đưa ra được kết luận và kiến nghị cho các cơ quan có trách nhiệm.

Một nguyên tắc quan trọng khi phân tích thông tin là cần phải cởi mở và khách quan để đảm bảo người phân tích không bị áp đặt ý chí chủ quan của mình, tìm thông tin chứng minh cho giả thuyết của mình.

Lưu trữ thông tin: Các thông tin sau khi được phân tích cần được phân loại và lưu trữ. Điều này đặc biệt quan trọng với các thông tin liên quan đến các chỉ số giám sát thường xuyên. Việc lưu trữ thông tin nên chia theo chỉ số và phân thành hai loại: số liệu thô có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau và số liệu đã xử lý viết thành báo cáo tổng hợp.

4.3 Kỹ năng viết báo cáo và đề nghị chính sách

Phần này tập chung vào việc viết báo cáo kết quả giám sát và đề nghị chính sách (policy brief). Đây là hai sản phẩm cụ thể cần phải làm phục vụ cho mục đích giám sát và phân hồi chính sách.

Viết báo cáo để làm gì?

Mục đích viết báo cáo cần phải xác định rõ để xác định nội dung và phương thức trình bày phù hợp. Thông thường, báo cáo nhằm cung cấp thông tin và số liệu để đối tượng nhận tin (cấp trên, cơ quan hoạch định chính sách) và các bên liên quan có thể ra quyết định kịp thời và tốt nhất. Trong trường hợp này, báo cáo trình bày kết quả phân tích thông tin để minh chứng và giải thích cho các (chỉ số) ảnh hưởng do chính sách mang lại đến phụ nữ và bình đẳng giới. Từ đó, cấp trên, các cơ quan hoạch định chính sách và các bên liên quan có được bức tranh tổng thể để ra quyết định.

Tuy nhiên, do các lãnh đạo HPN và các nhà hoạch định chính sách thường bận rộn và không có thời gian đọc nhiều báo cáo nên cần có một bản tóm tắt để đề xuất cho thay đổi chính sách. Bản đề nghị chính sách (policy brief) cần theo các nguyên tắc như *tập trung* vào vấn đề chính sách, *không nặng tính học thuật, có bằng chứng rõ ràng, ngắn gọn, cô đọng, dễ hiểu, dễ đọc, hấp dẫn và thực tế*. Bản đề nghị chính sách này sẽ giúp cho lãnh đạo và nhà hoạch định chính sách nắm bắt vấn đề nhanh chóng, bị thuyết phục và đưa ra quyết định có lợi cho phụ nữ và bình đẳng giới.

Ngoài mục đích cung cấp thông tin cho lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách, báo cáo còn để lưu trữ bài học kinh nghiệm và kiến thức về những việc đã làm. Một báo cáo tốt có thể hướng dẫn những người mới tham gia giám sát cách tư duy và thực hiện công việc. Báo cáo tốt giúp những người đang thực hiện công việc giám sát không bị quên kiến thức kinh nghiệm có được từ những công việc đã hoàn thành. Nếu việc giám sát luật được thực hiện tốt nhưng lại không được mô tả trong báo cáo và không được lưu trữ báo cáo hiệu quả, có thể gây lãng phí thời gian và công sức của nhân viên, do họ có thể không sử dụng được một cách hiệu quả các bài học đã có được từ kinh nghiệm đã qua.

Báo cáo cần viết gì?

Để đạt được các mục tiêu trên, báo cáo cần cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác và đa chiều. Để đạt được điều này, báo cáo cần phải trả lời các câu hỏi sau:

- Mục đích báo cáo viết để làm gì? Tập trung vào những nội dung nào?
- Các văn bản pháp luật và chính sách nào đã được xây dựng? thực thi?
- Việc thực thi các văn bản pháp luật này đã được diễn ra vào thời gian nào? ở địa điểm nào? theo cách nào? có những ai liên quan, tham gia?
- Việc triển khai diễn ra như vậy là nhanh/ chậm/ hay đúng so với kế hoạch?
- Tại sao lại nhanh/ chậm/ hay đúng so với kế hoạch?

- Việc triển khai các văn bản pháp luật, chính sách và chương trình đạt kết quả thế nào? Thay đổi do tác động của các hoạt động lên phụ nữ, nam giới và bình đẳng giới như thế nào? Tốt ở điểm nào? Không tốt ở điểm nào?
- Do đâu/ tại sao lại có những tác động như vậy?
- Có những yếu tố nào góp phần tạo nên những kết quả tốt/chưa tốt như vậy?
- Các hoạt động có đang giúp đạt mục tiêu BĐG không?
- Nội dung và phương pháp tiến hành các hoạt động (dự định cho thời kỳ tiếp theo) là hiệu quả nhất để đạt mục tiêu BĐG chưa? có cách nào khác hiệu quả hơn không?

Trên cơ sở phân tích thông tin thông qua việc trả lời các câu hỏi trên, báo cáo mới có thể đưa ra những kết luận và khuyến nghị để trả lời các câu hỏi:

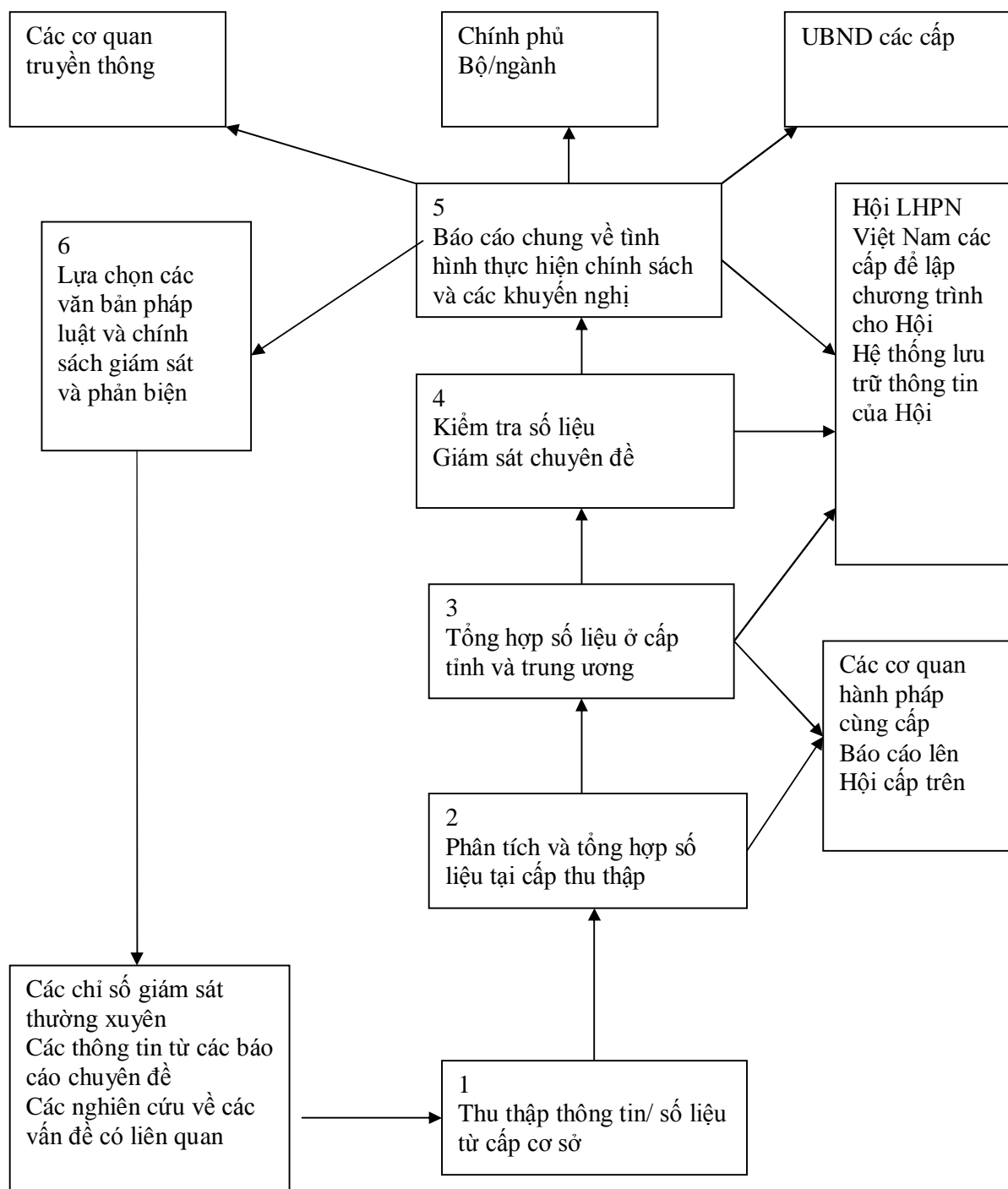
- Các văn bản pháp luật và chính sách triển khai đã mang lại ảnh hưởng gì (tốt và chưa tốt) đến phụ nữ, nam giới và bình đẳng giới?
- Nguyên nhân tạo ra những thay đổi này? Nguyên nhân liên quan đến nội dung chính sách? Cách thức triển khai? Nguyên nhân ngoại cảnh khác?
- Cần phải giải quyết các nguyên nhân này như thế nào để tạo ra thay đổi như mong muốn?
- Các đề xuất thay đổi gì về nội dung chính sách, phương thức triển khai chính sách và mục tiêu kết quả chính sách.

Một lưu ý chung là cần đánh giá chất lượng của báo cáo. Điều này có thể đảm bảo nếu khi đọc xong báo cáo, lãnh đạo Hội hoặc nhà hoạch định chính sách có thể ra được quyết định ngay; người đọc là các bên liên quan có thể tin tưởng, làm theo những điều khuyến nghị. Khi viết xong báo cáo của mình hãy tự hỏi: Người nhận báo cáo này có thể quyết định ngay được không? Người đọc báo cáo này có hình dung ra cách làm việc này không? Nếu nghĩ người đọc vẫn cần hỏi lại, hỏi thêm thì hãy chỉnh sửa lại báo cáo theo những điều người đọc mong muốn.

5. Quy trình giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách

Quy trình giám sát và phản hồi chính sách của Hội LHPN Việt Nam được mô tả trong mô hình dưới đây. Nó kết hợp cả việc giám sát thường xuyên lẫn giám sát chuyên đề của Hội, với quan điểm giám sát chuyên đề cung cấp thêm các bằng chứng và thông tin hoặc kiểm chứng các thông tin thu được trong quá trình giám sát thường xuyên.

Hình 3: Quy trình giám sát và phản hồi chính sách



Trong hệ thống này, việc thu thập thông tin sẽ dựa chủ yếu vào cấp cơ sở (phường/xã), dựa trên các chỉ số đã được xác định cho mỗi văn bản pháp luật cụ thể mà Trung ương Hội LHPN Việt Nam quy định cho mỗi giai đoạn thực hiện. Việc xác định các văn bản pháp luật hay các chính sách cần giám sát phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động của Hội cũng như các vấn đề nổi cộm phát sinh được phát hiện trong quá trình giám sát.

Việc tổng hợp và phân tích số liệu sẽ được thực hiện từ cấp huyện trở lên là các cấp đã có đội ngũ cán bộ chuyên trách. Trong hệ thống này cũng yêu cầu các số liệu phân tích và tổng hợp sẽ được thông tin đến các cơ quan hành pháp cùng cấp cũng như Hội LHPN cấp trên để đảm bảo kịp thời điều chỉnh quá trình thực thi, nhằm đạt được kết quả mà chính sách hy vọng đạt được.

Hội LHPN Việt Nam cấp trung ương sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp và phân tích các số liệu quốc gia, phân tích thành các bài học kinh nghiệm cũng như các khuyến nghị để chuyển tới các nhà lập chính sách cấp trung ương để xây dựng các chính sách mới hoặc điều chỉnh các chính sách hiện hành nhằm đảm bảo bình đẳng giới tốt hơn. Các bài học kinh nghiệm, các khuyến nghị cũng có thể được sử dụng cho công tác vận động chính sách khác của Hội.

Một điểm khác cũng vô cùng quan trọng là các thông tin thu thập và tổng hợp được ở mỗi cấp đều sẽ được thông tin tới các cấp Hội LHPN Việt Nam không chỉ cho mục đích vận động chính sách mà quan trọng hơn là những căn cứ để Hội lập kế hoạch cho hoạt động của mình, thiết kế các hoạt động có thể giúp đảm bảo thu được các kết quả tốt hơn từ các chính sách.

Bảng 3: Định kỳ thu thập và xử lý thông tin

Loại thông tin	Nguồn	Cấp	Định kỳ
Thông tin liên quan đến chỉ số giám sát thường xuyên	Báo cáo định kỳ theo chỉ số	Hội LHPN cấp phường/xã	Hàng quý
Tổng hợp thông tin và số liệu cấp quận/huyện – Báo cáo huyện	Báo cáo định kỳ theo chỉ số	Hội LHPN cấp huyện	Hàng quý
Tổng hợp thông tin và số liệu cấp tỉnh/thành – Báo cáo tỉnh	Báo cáo định kỳ theo chỉ số và nghiên cứu chuyên đề	Hội LHPN cấp tỉnh	6 tháng
Tổng hợp thông tin và số liệu cấp tỉnh/thành – Báo cáo Hội	Báo cáo định kỳ theo chỉ số và nghiên cứu chuyên đề	Hội LHPN cấp trung ương	Hàng năm

6. Các nội dung cần có trong tài liệu TOT phát triển cho hệ thống giám sát và phản hồi chính sách bình đẳng giới

Để triển khai tốt và sử dụng hiệu quả hệ thống giám sát các văn bản pháp luật HLHPN cần phải thực hiện một số hoạt động quan trọng, đặc biệt việc nâng cao năng lực của cán bộ hội các cấp. Theo kết quả đánh giá của tư vấn cũng như các tài liệu thứ cấp, các nội dung tập huấn sau cần phải được thực hiện. Đây cũng chính là các nội dung cơ bản sẽ được phát triển trong tài liệu tập huấn cho tập huấn viên (TOT) cho HLHPN sử dụng.

Căn cứ pháp lý cho việc giám sát và phản biện: mặc dù có một hệ thống pháp lý cho phép HLHPN có vai trò giám sát và phản biện xã hội, đặc biệt liên quan đến bình đẳng giới, nhưng phần lớn cán bộ Hội cấp cơ sở chưa nắm bắt được cơ sở pháp lý này. Bên cạnh đó, các cơ quan như UBND và HĐND cũng chưa thông hiểu vai trò này của HLHPN nên công việc càng khó khăn. Để giúp cán bộ hội tự tin và thực hiện đúng vai trò và chức năng do luật định, căn cứ pháp lý cho việc giám sát và phản biện cần phải được phân tích và tập huấn cho HLHPN. Đây phải là một phần trong tài liệu tập huấn cho tập huấn viên (TOT) để HLHPN có thể sử dụng lâu dài.

Kiến thức về bình đẳng giới: cho dù sứ mệnh của HPN là bảo vệ quyền lợi của phụ nữ nhưng không phải cán bộ hội nào cũng có kiến thức vững về bình đẳng giới. Theo đánh giá của tư vấn thì cán bộ hội cơ sở cần được trang bị lại các kiến thức cơ bản về bình đẳng giới, vai trò giới và phân tích chính sách và chương trình từ quan điểm bình đẳng giới. Đây là một nội dung rất quan trọng vì HPN chỉ có thể thực hiện vai trò giám sát và phản hồi các văn bản pháp luật và chính sách về bình đẳng giới nếu cán bộ nắm chắc và áp dụng được khái niệm này.

Kiến thức về phân tích chính sách: vì hệ thống giám sát và phản hồi sẽ tập chung vào các văn bản pháp luật và chính sách nên cán bộ hội cần được trang bị các kỹ năng cơ bản trong việc phân tích chính sách. Việc này giúp cán bộ Hội “chuyên” những văn bản pháp luật phức tạp thành những nội dung và chỉ số giám sát đơn giản. Từ đó, có thể thực hiện việc giám sát luật và chính sách của mình ở các cấp khác nhau.

Kiến thức về giám sát và phản hồi: đây cũng là một nội dung quan trọng cần cung cấp cho cán bộ HPN, đặc biệt là cấp cơ sở. Theo đánh giá hiện trạng thì nhiều cán bộ hội chưa hiểu sâu về giám sát và đánh giá, còn nhiều nhầm lẫn với kiểm tra và điều tra. Bên cạnh đó, việc giám sát và phản hồi báo chí còn là một hoạt động mới và mang tính chất vĩ mô phức tạp, nên việc được đào tạo về kỹ năng này rất quan trọng. Không có kiến thức này, HPN không thể triển khai, sử dụng và duy trì hệ thống giám sát và phản hồi một cách hiệu quả và bền vững.

Phân tích thông tin và biết báo cáo: đây là phần trung tâm của hệ thống giám sát và phản hồi chính sách bình đẳng giới. Các thông tin số liệu thu thập được, các báo cáo định kỳ và nghiên cứu chuyên đề chỉ cung cấp đầu vào thô cho HPN. Để có được những phân tích sâu sắc, các lý luận xác đáng và đề xuất thuyết phục HPN cần phải có một đội ngũ cán bộ có khả năng nghiên cứu và phân tích số liệu. Từ đó, viết các báo cáo và đề xuất chính sách cho các đối tượng khác nhau. Nếu không có được năng lực này HPN không thể hoàn thành sứ mệnh phản biện xã hội và khuyến nghị chính sách của mình.

Truyền thông và gây ảnh hưởng chính sách: để thay đổi chính sách có lợi cho quyền lợi của phụ nữ và bình đẳng giới, HPN cần phải có kỹ năng sử dụng thông tin và vị thế

của mình dễ gây ảnh hưởng. Từ trước đến nay công việc này ít khi được thực hiện đặc biệt ở cấp cơ sở. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả cán bộ hội cần phải được tập huấn cơ bản về kỹ năng truyền thông, kỹ năng vận động chính sách, và các phương thức có thể gây ảnh hưởng đến chính sách.

Phụ lục

Phụ lục 1: Các thuật ngữ sử dụng

1. Các khái niệm có liên quan đến Giới

Tài liệu này sử dụng phần giải thích các khái niệm có liên quan đến Giới theo giải thích trong Luật Bình đẳng Giới được Quốc hội khóa XI kì họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006. Một số khái niệm không được giải thích trong Luật được trích dẫn nguồn.

Khái niệm	Giải thích khái niệm
Giới	Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.
<i>Giới tính</i>	Chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ.
<i>Bình đẳng giới</i>	là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.
<i>Định kiến giới</i>	Là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.
<i>Phân biệt đối xử về giới</i>	Là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
<i>Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới</i>	Là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được.
<i>Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>	Là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.
<i>Hoạt động bình đẳng giới</i>	là hoạt động do cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân thực hiện nhằm đạt mục tiêu bình đẳng giới.
<i>Báo cáo bóng cho CEDAW</i>	Là phương pháp mà các tổ chức phi chính phủ cung cấp các thông tin bổ sung hay đưa ra các thông tin khác so với các thông tin trong các báo cáo thường kì mà chính phủ phải báo cáo theo yêu cầu của công ước CEDAW (http://www.stopvaw.org/A_Note_About_Shadow_Reports.html).
<i>Quan hệ giới (gender relations)</i>	Là các cách mà một nền văn hóa hay xã hội quy định về quyền, trách nhiệm và các nhân dạng của phụ nữ hay nam giới so với giới kia (Bravo-Baumann, H. 2000. Capitalisation of experiences on the contribution of livestock projects to gender issues. Working Document. Bern, Swiss Agency for Development and Cooperation).

2. Các khái niệm có liên quan đến giám sát, đánh giá và phản biện xã hội

Khái niệm	Giải thích khái niệm
<i>Chính sách</i>	Luật pháp, quy định, quy tắc hoặc hệ thống những hướng dẫn hay thủ tục hoặc quy chuẩn, thường được các cấp có thẩm quyền cao hơn hay một cơ quan quản lý đề ra với mục đích để đưa ra các thực hành hoặc hành động tiêu chuẩn để thực hiện (hoặc tránh không thực hiện) đối với một vấn đề cụ thể (Tài liệu về vận động chính sách cho HIV từ cộng đồng lên, APCASO).
<i>Giám sát</i>	Là một chức năng quản lý, chủ yếu để thường xuyên cung cấp phản hồi và các dấu hiệu sớm cho những người quản lý và các bên liên quan khác về tiến độ đạt được một kết quả nhất định nào đó. Giám sát theo dõi thực tế thực hiện so với những gì đã lập kế hoạch hay mong đợi dựa trên những tiêu chuẩn đã định sẵn. Giám sát thường bao gồm việc thu thập và phân tích các số liệu về quá trình và kết quả thực hiện một chính sách, chương trình hay dự án và khuyến nghị các biện pháp sửa chữa (Bộ công cụ về giám sát và đánh giá, UNFPA, 2001).
<i>Giám sát của Quốc hội</i>	Là việc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Luật về Hoạt động giám sát của Quốc hội, thông qua ngày 17/6/2003).
<i>Giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội</i>	Là việc xem xét, phát hiện và kiến nghị về các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ công chức nhà nước trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan; việc thực hiện chức trách đạo đức, lối sống của cán bộ công chức nhà nước (Dự thảo quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nước và cán bộ, công chức nhà nước các cấp).
<i>Đánh giá</i>	Là một hoạt động có xác định thời gian nhằm đánh giá một cách có hệ thống và khách quan tính phù hợp, cách thực hiện và kết quả của một chính sách, chương trình hay dự án. Đánh giá được thực hiện một cách có lựa chọn để trả lời các câu hỏi cụ thể, giúp các nhà lập chính sách, nhà quản lý định hướng tốt hơn. Đánh giá thường xem xét tính phù hợp, hiệu quả, công năng, tác động và tính bền vững của một chính sách, chương trình hay dự án (Bộ công cụ về giám sát và đánh giá, UNFPA, 2001).
<i>Phản hồi (feedback)</i>	Việc chuyển các thông tin thu được qua quá trình giám sát và đánh giá tới các bên liên quan và những người phù hợp. Các thông tin thu được này có thể là các phát hiện, các kết luận, khuyến nghị hay các bài học kinh nghiệm. Phản hồi bao gồm việc <i>tổ chức và giới thiệu</i> các thông tin có liên quan thu được từ quá trình giám sát và đánh giá theo một hình thức phù hợp; <i>quảng bá</i> các thông tin này tới các đối tượng đích và quan trọng hơn cả là việc sử dụng các thông tin như các cơ sở cho việc

	hoạch định chính sách hay chương trình (Bộ công cụ về giám sát và đánh giá, UNFPA, 2001).
<i>Phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội</i>	Là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, dự án, đề án của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp (Dự thảo quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nước và cán bộ, công chức nhà nước các cấp).
<i>Chỉ số</i>	Là các thông tin định lượng hoặc định tính để đo lường kết quả và tiến độ thực hiện một chính sách, chương trình hoặc dự án (Bộ công cụ về giám sát và đánh giá, UNFPA, 2001).
<i>Kiểm tra chéo</i>	Là việc áp dụng các cách phân tích và sử dụng số liệu từ các nguồn khác nhau, được thu thập bằng các phương pháp khác nhau về cùng một đối tượng để sử dụng các kết quả được kiểm chứng và những hạn chế (hoặc sai số) của phương pháp hay nguồn số liệu này bổ sung bằng điểm mạnh của phương pháp hay nguồn số liệu khác, do đó làm tăng giá trị và độ tin cậy của kết (Khung theo dõi đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS quốc gia, Bộ Y tế, 2007).

Phụ lục 2: Các căn cứ pháp lý để Hội LHPN Việt Nam thực hiện công tác giám sát việc thực thi và phản hồi chính sách

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Mục đích của Hội là hoạt động vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với địa vị như vậy, Hội LHPN có một các căn cứ pháp lý như sau:

Các văn kiện của Đảng quy định:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam phấn đấu làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu và thực hiện các giải pháp cần thiết để nâng cao nhận thức cho phụ nữ về bình đẳng giới, khắc phục tư tưởng tự ti, an phận, níu kéo nhau, nêu cao tinh thần tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên để không ngừng tiến bộ, đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội (nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước).
- Quốc hội, cơ quan nhà nước các cấp có cơ chế để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp chủ động tham gia vào quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, dự án phát triển của quốc gia, bộ, ngành, địa phương (nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước).
- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách đối với phụ nữ và lao động nữ trong các thành phần kinh tế (nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước).
- Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng "hành chính hóa", hướng mạnh hoạt động về cơ sở, khu dân cư, chăm lo thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho hội viên, không phô trương, hình thức, không chạy theo thành tích; phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí (nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước).

Sự tham gia của Hội LHPN Việt Nam trong công tác giám sát của Quốc hội:

Điều 6 của Luật về Hoạt động giám sát của Quốc hội, thông qua ngày 17/6/2003) quy định về sự tham gia giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu rõ:

- Khi thực hiện quyền giám sát, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội dựa vào sự tham gia của nhân dân, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Khi tiến hành hoạt động giám sát, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội có thể mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan tham gia; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu này.

Sự tham gia của Hội LHPN Việt Nam trong công tác giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp:

Điều 63 Mục 1 quy định về công tác giám sát của Hội đồng nhân dân trong Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân thông qua tại kì họp thứ 4, khóa XI năm 2003 nêu rõ:

Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát do Hội đồng nhân dân giao, Đoàn giám sát có trách nhiệm:

1. Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là bảy ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;
2. Mời đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận và yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan tham gia giám sát; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu này;

Sự tham gia của Hội LHPN Việt Nam trong công tác giám sát với tư cách là một tổ chức thành viên của Mặt trận tổ quốc (quy định trong Luật Mặt trận tổ quốc được Quốc hội thông qua tháng 6/1999)

Điều 4. Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là các tổ chức và cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này (*tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài*).

Khi phối hợp và thống nhất hành động, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời các tổ chức thành viên của Mặt trận vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Điều 9. Tham gia xây dựng pháp luật

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng pháp luật với các nội dung sau đây:

1. Kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;
2. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, pháp lệnh;
3. Cùng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nghị quyết, thông tư liên tịch để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;
4. Tham gia góp ý kiến vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, nghị định và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 11. Tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được mời tham dự phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ khi bàn các vấn đề có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân; được mời tham dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan.
 3. Tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền; đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân những vấn đề cần thiết.
- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động giám sát

1. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước, nhằm góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện bằng các hình thức sau đây:
 - Động viên nhân dân thực hiện quyền giám sát;
 - Tham gia hoạt động giám sát với cơ quan quyền lực nhà nước;
 - Thông qua hoạt động của mình, tổng hợp ý kiến của nhân dân và các thành viên của Mặt trận kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt, xem xét, giải quyết, xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát. Khi nhận được kiến nghị của Mặt trận thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xem xét, trả lời trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Nghị định của chính phủ số 19/2003 /NĐ-CP ngày 7/3/2003 quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước

Điều 2. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Phụ nữ cùng cấp tham gia các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến phụ nữ, trẻ em như sau :

1. Mời đại diện Hội Phụ nữ cùng cấp tham gia thảo luận hoặc gửi dự thảo văn bản để Hội Phụ nữ góp ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; khi xây dựng, bổ sung chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em.
2. Mời đại diện Hội Phụ nữ cùng cấp tham gia với tư cách là thành viên chính thức trong các tổ chức tư vấn cho cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp (Hội đồng, ủy ban, Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý) về các vấn đề có liên quan đến phụ nữ và trẻ em như: giải quyết lao động, việc làm, đời sống, sức khỏe, đất đai, nhà ở, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Định kỳ phối hợp với Hội Phụ nữ cùng cấp tổ chức các cuộc họp để thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách và phát hiện những hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em để kịp thời giải quyết.
4. Mời đại diện của Hội Phụ nữ cùng cấp tham gia các đoàn kiểm tra những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến công tác kiểm tra.

Luật Bình đẳng giới

Điều 30. Trách nhiệm của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1. Thực hiện các quy định tại Điều 29 của Luật này.
2. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.
3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị.
4. Thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Nghị định 70/2008/NĐ-CP ngày 4/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới

Điều 16. Tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp tham gia các hoạt động quản lý nhà nước về bình đẳng giới như sau:

1. Thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này;
2. Nghiên cứu, tiếp thu các phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới;
3. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật và bình đẳng giới để kịp thời giải quyết;
4. Phối hợp tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về giới, kỹ năng hoạt động bình đẳng giới; tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19/05/2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

Khoản 2 và 4 điều 10 quy định “Trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

2. Bảo đảm sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.
4. Thể hiện trong tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; các phụ lục thông tin, số liệu về giới liên quan đến dự thảo văn bản (nếu có); báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các đối tượng quy

định tại khoản 3 Điều này và ý kiến phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Điều 15. Đề nghị, kiến nghị ban hành quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới

1. Quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật.
2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị Chính phủ ban hành quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo thẩm quyền; đề nghị Chính phủ đề Chính phủ trình Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo thẩm quyền.
3. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có thể đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban hành quy định về các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo thẩm quyền.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, trình ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo

Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, trình ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Luật Bình đẳng giới:

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành có liên quan:
 - a) Xây dựng, trình Chính phủ đề Chính phủ trình Quốc hội về tỷ lệ nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới trong nhiệm kỳ kế tiếp, bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình hiệp thương. Việc trình Chính phủ phải được thực hiện chậm nhất là sáu tháng trước ngày bầu cử đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân và phải có sự tham gia ý kiến bằng văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Điều 17. Chấm dứt thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới

1. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được chấm dứt thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định rằng các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội tạo ra sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ đã thay đổi dẫn đến việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không còn cần thiết.
2. Trên cơ sở rà soát, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành, đối chiếu với mục tiêu bình đẳng giới và điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể, các cơ quan, tổ chức cá nhân được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.
3. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật để chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật để chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phải có các nội dung sau đây:
 - a) Báo cáo phân tích, đánh giá việc thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và mức độ bình đẳng giới đã đạt được, có ý kiến tham vấn của các chuyên gia và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp trong lĩnh vực liên quan;
 - b) Thuyết minh về sự cần thiết chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;
 - c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức hữu quan, ý kiến phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ý kiến đánh giá của cơ quan thẩm định văn bản quy

phạm pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đối với việc chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội chấm dứt thực hiện biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo thẩm quyền thì phải có ý kiến bằng văn bản của Chính phủ.

Các căn cứ về phía Hội LHPN Việt Nam

- Công tác giám sát được coi là một trong năm nhiệm vụ trọng tâm của Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam. Điều lệ Hội LHPN Việt Nam được thông qua tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X ngày 4/10/2007 nêu rõ nhiệm vụ thứ 2 của Hội là “Tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; tham mưu đề xuất với Đảng, Nhà nước về công tác phụ nữ tạo điều kiện để phụ nữ bình đẳng và phát triển”.
- Văn kiện đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X – mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2007 – 2012 cho nhiệm vụ *Tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới.*

Phụ lục 3: Tóm tắt các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để Hội LHPN Việt Nam thực hiện hệ thống giám sát việc thực thi và phản hồi các chính sách, pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới.

Phân phân tích này dựa trên kết quả của các hoạt động sau:

- Phỏng vấn sâu với một số cán bộ chủ chốt của Hội LHPN Việt Nam cấp trung ương và thảo luận nhóm với một số cán bộ Hội LHPN Hà Nội được tiến hành vào tháng 5/2009
- Tổng hợp và phân tích thông tin từ các tài liệu, đánh giá sẵn có về hệ thống và năng lực giám sát của Hội LHPN Việt Nam

<p><u>Điểm mạnh</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Hội LHPN Việt Nam có tổ chức Hội 4 cấp rộng khắp và hoạt động ổn định • Hội LHPN Việt Nam mới thành lập Ban chuyên môn về công tác giám sát ở cấp TW để tham mưu cho lãnh đạo Hội trong công tác này • Hội LHPN Việt Nam đã xác định được trọng tâm cho công tác giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật cho giai đoạn 2007 – 2012 • Cam kết và quyết tâm thực hiện tốt công tác giám sát ở lãnh đạo Hội • Đội ngũ cán bộ Hội nhiệt tình 	<p><u>Cơ hội</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Hội có cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác giám sát được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như các nghị quyết của Hội • Các chương trình khác của Hội đang được các cấp Hội thực hiện và giám sát
<p><u>Điểm yếu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống tổ chức Hội cấp huyện và xã phường chưa có cán bộ chuyên trách về giám sát • Phân công trách nhiệm giám sát ở cấp cơ sở còn chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng giám sát chưa đúng trọng tâm (giám sát việc thực hiện chính sách nói chung chứ chưa thực sự chú ý đến giám sát lồng ghép giới trong thực hiện chính sách) • Công tác giám sát hiện nay chưa dựa trên chỉ số • Chưa có quy trình cụ thể • Năng lực cán bộ Hội về công tác giám sát vẫn còn hạn chế: <ul style="list-style-type: none"> ○ Nhầm lẫn giữa giám sát và kiểm tra ○ Các kiến thức liên quan đến vấn đề giới còn hạn chế, nhất là ở cán bộ cấp cơ sở ○ Các kiến thức về luật pháp 	<p><u>Thách thức</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức và thái độ về giới của những người thực thi chính sách ở một số địa phương vẫn còn hạn chế • Làm sao để chính quyền và các ban ngành đoàn thể khác ủng hộ công tác giám sát của Hội • Chương trình đào tạo cán bộ của Hội LHPN còn bị giới hạn bởi thời gian và chưa có đủ thời gian để tập trung vào phân phát triển kỹ năng – các hướng dẫn của Hội còn trừu tượng, chưa cụ thể • Trình độ văn hóa cán bộ cấp cơ sở còn hạn chế

○ Các kỹ năng liên quan đến giám sát (thu thập, phân tích và xử lý thông tin) còn hạn chế	
---	--